

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CÔNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09-4-2021

V/v Tranh chấp Ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Tiến.

2. Ông Đỗ Ngọc Phan.

Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Chung - Kiểm sát viên

Ngày 09/4/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 161/2020/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-DS ngày 08/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/3/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn TK, xã CL, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1983.

ĐKNKTT: Thôn TK, xã CL, huyện NC, Thanh Hóa.

Hiện đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy số 1, thôn 2, xã Đăk R'Tih, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2020 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phan Thị H và anh Lê Văn T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn ngày 29/02/2008 tại Ủy ban nhân dân xã CC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường. Tháng 7/2017 mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân là do anh T không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, anh T đã nghiện ma túy. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều nhưng không có kết quả. Chị và anh T sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên xin được ly hôn anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị Phan Thị H và anh Lê Văn T có 1 con chung là Lê Thị Ánh N, sinh ngày 28/11/2008. Nguyên vọng của chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Chị Phan Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về phía anh Lê Văn T:* Chị Phan Thị H đã cung cấp cho Tòa án địa chỉ của anh T hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 địa chỉ: Thôn 2, xã Đăk R'Tih, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Ngày 23/02/2021 TAND huyện Nông Cống đã ban hành Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ gửi TAND huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Ngày 03/3/2021 tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1, Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã gặp trực tiếp anh Lê Văn T để làm việc theo nội dung ủy thác của TAND huyện Nông Cống. Tại buổi làm việc, anh Lê Văn T từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và từ chối làm việc. Vì vậy TAND huyện Tuy Đức đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của TAND huyện Nông Cống tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 địa chỉ: Thôn 2, xã Đăk R'Tih, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

*** Về tố tụng:**

- *Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với anh T chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không tiến hành việc nêu quan điểm của mình về

việc ly hôn và không nhận các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

Chị H và anh T kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 29/02/2008 tại Ủy ban nhân dân xã CC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường. Tháng 7/2017 mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân là do anh T không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, anh T đã nghiện ma túy. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều nhưng không có kết quả. Chị và anh T sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên xin được ly hôn anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị Phan Thị H và anh Lê Văn T có 1 con chung là Lê Thị Ánh N, sinh ngày 28/11/2008. Nguyên vọng của chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Chị Phan Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho chị H được ly hôn anh T.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị H: Giao cháu Lê Thị Ánh N, sinh ngày 28/11/2008 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị H khởi kiện xin được ly hôn anh Lê Văn T có hộ khẩu thường trú tại xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông để tiến hành lấy lời khai và tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh T không trình bày quan điểm của mình và không nhận các văn bản tố tụng. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông đã phải tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại Cơ sở cai nghiện số 1 địa chỉ: Thôn 2, xã Đăk R'Tih, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Tại phiên tòa ngày 25/3/2021 anh T vắng mặt, vì vậy phải hoãn phiên tòa.

Ngày 09/4/2021, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tiếp tục mở phiên tòa, tuy nhiên anh T vẫn vắng mặt. Do đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H và anh Lê Văn T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa; vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống anh T không tu chí làm ăn, ham chơi từ đó dẫn đến nghiện ma túy, đang phải đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 đóng tại huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông. Quá trình anh T cai nghiện, chị H không quan tâm đến ý đến anh và cũng không đến thăm anh. Về phía anh T đã được TAND huyện Tuy Đức giao các văn bản tố tụng do Tòa án Nông Cống ủy thác đến nhưng anh từ chối nhận văn bản. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh T có con 1 con chung là Lê Thị Ánh N, sinh ngày 28/11/2008. Ly hôn chị H có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Trên thực tế anh T đang đi cai nghiện, lâu nay cháu đang ở với chị H, hơn nữa cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn, chị H không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Phan Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xét. Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị H khởi kiện vụ án xin ly hôn phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu của của nguyên đơn, xử cho chị Phan Thị H được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Ánh N, sinh ngày 28/11/2008 cho chị Phan Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Phan Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2019/0002130 ngày 15/6/2020, chấp nhận chị H đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị H, vắng mặt anh T. Chị H được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã CC, huyện NC;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh